

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC HUỆ
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2022/DS-ST
Ngày: 09-8-2022
V/v “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HUỆ TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Gái.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Tấn Rõn.
2. Bà Nguyễn Thanh Vân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thái Thành - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Huệ, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Giang Châu - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 195/2021/TLST-DS ngày 21 tháng 12 năm 2021 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2022/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP M (VIB) - Địa chỉ trụ sở: tầng 1, tầng 2, Tòa nhà Sailling Tower - 111A Pastuner, phường S, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Hữu D - Sinh năm 1997 - Chức vụ: Cán bộ Phòng xử lý nợ Ngân hàng TMCP M- Địa chỉ: Tầng 6, Tòa nhà Pax Sky, 26 Ung Văn Khiêm, phường E, Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt).

- Bị đơn: Ông Phan Thanh T - Sinh năm 1994 - Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Long An. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 29-11-2021, quá trình tố tụng nguyên đơn Ngân hàng TMCP M(VIB) do ông Nguyễn Hữu D đại diện hợp pháp trình bày:

Ngày 05-9-2018, Ngân hàng TMCP M(VIB) - chi nhánh VIB Quận 6 ký Hợp đồng tín dụng số 0582.HĐTD.VIB630.18 với ông T, nội dung: giải ngân số tiền 559.000.000 đồng, mục đích thanh toán mua 01 xe ô tô nhãn hiệu Chevrole Cruze, thời hạn vay 84 tháng, từ ngày 06-9-2018 đến ngày 05-9-2025, lãi suất tại thời điểm giải ngân là 9.99%/năm và chỉ áp dụng trong 12 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân khoản vay. Hết thời hạn ưu đãi nói trên lãi suất điều chỉnh lại 03 tháng một lần bằng lãi suất cơ sở theo quy định của Ngân hàng TMCP M tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 4.09%/năm. Hoàn trả khoản vay gốc hàng tháng vào ngày 30, mỗi tháng trả gốc 6.654.000 đồng, tháng cuối trả 6.718.000 đồng. Hoàn trả lãi hàng tháng vào ngày 30, kỳ trả lãi đầu tiên vào ngày 30-9-2018. Trả phí theo quy định của Ngân hàng TMCP M từng thời kỳ. Lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn. Ngân hàng TMCP M đã giải ngân số tiền 559.000.000 đồng cho ông T.

Quá trình thực hiện ông T vi phạm hợp đồng về việc trả nợ gốc và lãi phát sinh. Tính đến ngày 12-11-2021 ông T đã thanh toán cho Ngân hàng TMCP M 384.127.972 đồng (trong đó: 236.429.531 đồng gốc và 147.698.441 đồng lãi).

Ngân hàng TMCP M khởi kiện yêu cầu ông T trả: 385.066.888 đồng (trong đó: gốc 322.570.469 đồng và lãi tính đến ngày 09-8-2022 là 62.496.419 đồng).

Đồng thời, yêu cầu ông T trả lãi theo Hợp đồng tín dụng số 0582.HĐTD.VIB630.18 ngày 05-9-2018, thời gian từ ngày 10-8-2022 đến khi trả xong nợ.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đức Huệ phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật:

Trong quá trình thụ lý, chuẩn bị đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan điểm xử lý vụ án đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam. Buộc ông T có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP M số tiền: 385.066.888 đồng (trong đó: gốc 322.570.469 đồng và lãi tính đến ngày 09-8-2022 62.496.419 đồng). Đồng thời, tính lãi theo Hợp đồng tín dụng số 0582.HĐTD.VIB630.18 ngày 05-9-2018, thời gian từ ngày 10-8-2022 đến khi ông T trả xong nợ.

Bị đơn ông T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2, nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ngân hàng TMCP Mkhởi kiện “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” đối với ông Phan Thanh T, Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ, tỉnh Long An, thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Bị đơn ông T được tổng đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng của Tòa án nhưng ông không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh cho quyền và lợi ích chính đáng của ông, vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do.

[3] Nguyên đơn không rút yêu cầu khởi kiện và không thỏa thuận được với bị đơn về toàn bộ nội dung vụ án.

[4] Về nội dung: Xét việc Ngân hàng TMCP Myêu cầu ông T có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP M385.066.888 đồng (trong đó: gốc 322.570.469 đồng và tiền lãi tính đến ngày 09-8-2022 là 62.496.419 đồng) là có căn cứ chấp nhận toàn bộ.

[4.1] Về tiền gốc 322.570.469 đồng: Căn cứ vào Hợp đồng tín dụng số 0582.HĐTD.VIB630.18 ngày 05-9-2018, Hồ sơ giải ngân thì ông T vay của Ngân hàng TMCP M559.000.000 đồng, tính đến ngày 12-11-2021 ông T đã thanh toán cho Ngân hàng TMCP M236.429.531 đồng tiền gốc và không thanh toán nữa. Như vậy, ông T đã vi phạm thỏa thuận theo hợp đồng ký với Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam. Vì vậy, ông T có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP Msố tiền còn nợ lại là 322.570.469 đồng theo quy định tại Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[4.2] Về tiền lãi 62.496.419 đồng: Ngân hàng TMCP Myêu cầu ông T có nghĩa vụ trả là phù hợp lãi suất đã ký theo Hợp đồng tín dụng số 0582.HĐTD.VIB630.18 ngày 05-9-2018, phù hợp với quy định pháp luật nên chấp nhận.

[5] Từ các nhận định trên, cần buộc ông T có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP Msố tiền 385.066.888 đồng (trong đó: gốc 322.570.469 đồng và tiền lãi tính đến ngày 09-8-2022 là 62.496.419 đồng).

[6] Đồng thời, ông T có nghĩa vụ chịu lãi theo Hợp đồng tín dụng số 0582.HĐTD.VIB630.18 ngày 05-9-2018 đã ký, thời gian từ ngày 10-8-2022 đến khi trả xong nợ.

[7] Về án phí, căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, xét thấy: Ngân hàng TMCP Mđược chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện nên không phải chịu án phí, hoàn lại số tiền tạm ứng án phí Ngân hàng TMCP Mđã nộp.

[8] Ông T có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP Msố tiền 385.066.888 đồng, nên có nghĩa vụ chịu 19.253.344,4 đồng tiền án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” đối với ông Phan Thanh T.

Buộc ông Phan Thanh T có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP Msố tiền 385.066.888 đồng (Ba trăm tám mươi lăm triệu, không trăm sáu mươi sáu nghìn, tám trăm tám mươi tám đồng) (trong đó: gốc 322.570.469 đồng và tiền lãi tính đến ngày 09-8-2022 là 62.496.419 đồng).

Kể từ ngày 10-8-2022 cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu lãi đối với số tiền chậm thi hành án theo Hợp đồng tín dụng số 0582.HĐTD.VIB630.18 ngày 05-9-2018.

2. Về án phí:

Buộc ông Phan Thanh T có nghĩa vụ chịu 19.253.344,4 đồng (Mười chín triệu, hai trăm năm mươi ba nghìn, ba trăm bốn mươi bốn phẩy bốn đồng) tiền án phí.

Ngân hàng TMCP Mkhông phải chịu án phí. Trả lại cho Ngân hàng TMCP M8.477.048 đồng (Tám triệu, bốn trăm bảy mươi bảy nghìn, không trăm bốn mươi tám đồng) tiền tạm ứng án phí (theo biên lai thu số 0005065 ngày 21-12-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Huệ).

3. Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 09-8-2022). Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Huệ;
- Chi cục THADS huyện Đức Huệ;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

Trần Thị Gái